TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-PT
Ngày: 31 - 7 - 2023
V/v: Tranh chấp chi phí bù giá hợp đồng thầu xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ

Bà Nguyễn Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 26 đến ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp chi phí bù giá hợp đồng thầu xây dựng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2023/QĐ-PT ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C (Viết tắt là Công ty C); Địa chỉ:1 Đ, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: E P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

- Bị đơn: Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B (Viết tắt là Ban QLDA- CNGT); Địa chỉ: A B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc; ông Nguyễn Tiến T1 - Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Giao thông Vận tải tỉnh B; Địa chỉ: A B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim H – Chức vụ: Phụ trách Phòng Quản lý cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng và phát triển hạ tầng giao thông. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty Cổ phần C (Viết tắt là Công ty C) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 11/6/2002, Ban Q2 thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh B (nay là Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B, viết tắt là "Ban QLDA") và Công ty Cổ phần C (viết tắt là "Công ty C") ký Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây dựng số 18/2002/HĐKT-QLDA "Công trình xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu - L - Bình Châu đoạn H - P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu". Thời gian thi công là 23 tháng kể từ ngày Ban QLDA chính thức bàn giao mặt bằng. Sau đó, Ban QLDA và Công ty C có ký phụ lục hợp đồng và gia hạn thời gian thi công đến ngày 30/6/2005.

Công trình đã hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng và đến ngày 04/5/2010, Ban QLDA và Công ty C ký Biên bản nghiệm thu kết thúc bảo hành xây lắp đối với Công trình Cầu C - Thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu - B đoạn H - P.

Sau khi đã bàn giao công trình, kết thúc thời gian bảo hành xây lắp đối với Công trình Cầu C thì nhà thầu rà soát lại và thấy trong thời gian thi công công trình, đơn giá nhân công, ca máy, vật tư có biến động về giá. Đối chiếu với Thông tư 05/2003/TT-BXD ngày 14/3/2003 và Thông tư 02/2004/TT-BXD ngày 22/04/2004 của Bộ X thì phía nhà thầu thấy họ thuộc đối tượng được bù giá theo quy định tại 02 thông tư này. Ngày 05/10/2010, Công ty C có Công văn số 372/KHKD gửi UBND tỉnh B đề nghị được điều chỉnh giá thép và đơn giá nhân công, ca máy theo Thông tư 05/2003/TT-BXD ngày 14/3/2003 và Thông tư 02/2004/TT-BXD ngày 22/04/2004.

Ngày 02/11/2010, UBND tỉnh B có Văn bản số 7488/UBND-VP về chủ trương điều chỉnh giá công trình Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận.

Ngày 21/02/2011, UBND tỉnh B có Văn bản số 797/UBND.VP, chấp thuận đề nghị của Sở G về việc điều chỉnh giá nhân công, xe máy và thép theo các thông tư của Bộ X đối với công trình Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận.

Ngày 06/5/2013, Ban QLDA có Tờ trình số 106/BQLDA-KHKT gửi Sở G xem xét thẩm định và phê duyệt bổ sung chi phí vật liệu và bù giá trị nhân công, máy thi công, đối với công trình xây dựng Cầu C, theo đó giá trị trình thẩm định và phê duyệt bổ sung là 4.928.022.000 đồng.

Ngày 14/10/2013, Phòng Quản lý giao thông có Báo cáo số 14.10/BC-QLGT gửi Sở G. Kết quả thẩm định dự toán bổ sung là 4.725.444.000 đồng (Trong đó, bổ sung giá nhân công, máy thi công theo Thông tư 05/2003 là: 3.054.177.000 đồng; Bổ sung giá vật liệu biến động (thép, cáp) là 1.671.267.000 đồng). Nguồn vốn từ ngân sách bố trí thực hiện dự án.

Ngày 16/7/2014, Sở G ban hành Quyết định số 271/QĐ-SGTVT về việc phê duyệt dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu công trình xây dựng mới Cầu C là 4.725.444.000 đồng.

Ngày 21/10/2014, Ban QLDA có Công văn số 160/BQLDA-KT đề nghị nhà thầu phối hợp làm việc về hoàn thiện hồ sơ quyết toán chi phí bổ sung. Sau đó, Công ty C đã làm việc với Ban QLDA và trình hồ sơ quyết toán bổ sung.

Ngày 07/11/2017, Ban Q2 và Công ty C đã tiến hành cuộc họp và thống nhất cách tính bù giá nhân công, máy thi công, thép công trình xây dựng mới Cầu C. Biên bản cuộc họp ghi rõ các chi tiết thực hiện bù giá và thời hạn trình hồ sơ việc bù giá qua Sở Tài Chính tỉnh B - Vũng Tàu chậm nhất là ngày 21/11/2017. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành căn cứ theo Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh B.

Ngày 29/11/2020, Công ty C đã có Văn bản số 40/CV-2020 đề nghị Ban QLDA thực hiện việc bù giá cho Công ty C. Ngày 24/11/2020, Ban QLDA ban hành Công văn số 784/CV-DVGT, theo đó Ban QLDA cho rằng: "Ngày 19/3/2010, các bên A và B đã ký biên bản thanh lý hợp đồng. Chủ đầu tư khi đó là Ban Q2 (thuộc Sở G) đã tiến hành tất toán dự án trong năm 2010. Như vậy từ thời gian đó đến nay, Ban Q2 (nay là Ban QLDA CN giao thông tỉnh BRVT) không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào của Công ty C."

Ngày 13/12/2019, Cục thuế thành phố H đã ban hành Thông báo số 432810/TB07-CT, theo đó, tính đến tháng 11/2019, Công ty C còn nợ số tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp liên quan đến dự án công trình xây dựng mới cầu C là 6.171.180.668 đồng (trong đó tiền phạt chậm nộp thuế là 2.500.000.000 đồng). Cùng ngày, Cục Thuế thành phố H ban hành Quyết định số 1445/QĐ-CT-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

Việc không thanh toán khoản tiền được bù giá của Ban QLDA đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty C. Nay, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

- Ban QLDA thực hiện bù giá cho Công ty C theo Quyết định số 271/QĐ-SGTVT của Sở G với số tiền là 4.725.444.000 đồng.

- Ban QLDA bồi thường thiệt hại cho Công ty C số tiền phạt do chậm nộp thuế liên quan đến dự án công trình xây dựng mới Cầu C là 2.500.000.000 đồng.

** Bị đơn Ban Quản lý Dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B (viết tắt là Ban QLDA) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ban QLDA được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư dự án đường ven biển Vũng Tàu - B. Trong đó có gói thầu số 4 - Xây lắp Cầu C do Công ty Cổ phần C (viết tắt là Công ty C) trúng thầu thi công với giá trị trúng thầu là 67.801.350.064 đồng với thời gian thi công là 23 tháng tính từ ngày 01/7/2002. Trong quá trình thi công, nhà thầu gặp rất nhiều khó khăn về tài chính nên không tập kết đầy đủ máy móc thiết bị, vật tư và nhân lực như cam kết nên tiến độ thi công rất chậm, vì vậy chủ đầu tư đã rất nhiều lần làm việc với nhà thầu để tìm cách tháo gỡ khó khăn vướng mắc và có biện pháp giúp đỡ nhà thầu trong việc tạo mọi điều kiện trong khả năng có thể. Đồng thời cũng cảnh báo, nhắc nhở về trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của nhà thầu đã cam kết trong hợp đồng nhưng tiến độ thi công vẫn không được cải thiện.

Sau 23 tháng thi công, nhà thầu mới hoàn thành khối lượng với giá trị khoảng 22,98 tỷ đồng, đạt khoảng 33,9% giá trị hợp đồng. Đến ngày 29/6/2005, công trình mới hoàn thành và chậm tiến độ so với cam kết 13 tháng. Việc này buộc chủ đầu tư phải ký kết Phụ lục hợp đồng số 30/PLHĐKT-QLDA ngày 10/3/2005, để nhà thầu có thêm thời gian thi công và thanh quyết toán công trình.

Đến ngày 09/5/2006, công trình mới được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng do công tác lập hồ sơ hoàn công của nhà thầu rất chậm.

Trên cơ sở đề nghị của Sở T tại Tờ trình số 2786/TTr-STC.ĐT ngày 10/12/2009, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4201/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 phê duyệt quyết toán dự án ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận (đoạn H - P), giá trị quyết toán cho Công ty C là 67.204.053.809 đồng.

- Về kiến nghị bù giá thép, nhân công, ca máy của Công ty C:

Thực hiện Quyết định số 4201/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quyết toán công trình, chủ đầu tư đã tiến hành các thủ tục giải quyết dứt điểm công nợ với nhà thầu trong tháng 5 năm 2010.

Tuy nhiên, ngày 05/10/2010, tức là công trình đã tất toán được 05 tháng, Công ty C lại có Văn bản số 372/KHKD đề nghị điều chỉnh giá và đơn giá nhân công, ca máy theo Thông tư số 05/2003/TT-BXD ngày 14/3/2003 và Thông tư 02/2004/TT-BXD ngày 24/4/2004 của Bộ X.

Tại thời điểm đó, do chủ quan và sơ suất, Ban QLDA giao thông I (trực thuộc Sở G) đã tham mưu cho Sở Giao thông Vận tải ban hành Văn bản số 12/SGTVT-BQLDA ngày 05/01/2011 gửi UBND tỉnh về việc về việc điều chỉnh giá công trình Cầu C và được UBND tỉnh chấp thuận tại 02 Văn bản 7488/UBND-VP ngày 02/11/2010 và Văn bản số 797/UBND.VP ngày 21/02/2011.

Trên cơ sở Tờ trình số 106/BQLDA.I-KHKT ngày 06/5/2013 của Ban Q2, Sở G đã ban hành Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 về việc duyệt dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu công trình xây dựng mới Cầu C với giá trị bổ sung là 4.725.444.000 đồng, trong đó nêu rõ: Việc bổ sung giá nhân công, máy thi công, giá thép tăng đột biến phải phù hợp với nội dung của hợp đồng đã ký.

Đến nay sau khi rà soát lại, Ban QLDA nhận thấy việc tham mưu cho sở G xin UBND tỉnh chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá và trình duyệt dự toán bù giá công trình Cầu C là chưa phù hợp với điều khoản hợp đồng và các quy định hiện hành.

- Về bản chất và cơ sở pháp lý đối với việc đề nghị bổ sung giá trị nhân công, ca máy, giá thép:

Giá trị 4.725.444.000 đồng là kết quả từ hồ sơ bù giá do nhà thầu lập và được thẩm định trên cơ sở phân khai khối lượng thi công thực tế được Tư vấn Giám sát xác nhận trong thời gian từ tháng 7/2002 đến tháng 6/2005, tức là chậm 13 tháng so với hợp đồng ban đầu, do đó không có đủ căn cứ pháp lý quyết toán bổ sung cho nhà thầu.

Trước tình huống nêu trên, Ban QLDA tiến hành ra soát toàn bộ quá trình thực hiện gói thầu từ khâu thương thảo, ký kết hợp đồng đến việc thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình. Đồng thời nhiều lần mời lãnh đạo Công ty C làm việc nhưng Công ty C không cử đại diện hợp tác làm việc hoặc phối hợp không hiệu quả nên không đạt được nội dung thỏa thuận nào.

Sau đó, Ban QLDA đã tiếp tục tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng, tổ chức thi công và thanh quyết toán công trình. Kết quả cho thấy 01 số dữ kiện sau:

+ Tiến độ thi công Cầu C chậm 13 tháng so với hợp đồng được ký kết, việc chậm tiến độ hoàn toàn do nhà thầu gây ra. Do đó, chủ đầu tư hoàn toàn có thể thực hiện biện pháp phạt hợp đồng đối với nhà thầu trước khi xem xét bù giá (nếu có).

+ Việc ký kết Phụ lục hợp đồng số 30/PLHKT-QLDA ngày 10/3/2005 chỉ nhằm hoàn thiện thủ tục để có cơ sở pháp lý cho việc thanh, quyết toán công trình. Nội dung số 3 - Phụ lục này nêu rõ: Giá trị phụ lục hợp đồng vẫn giữ nguyên theo hợp đồng số 18/2002/HĐKT-QLDA.

+ Hồ sơ đề nghị quyết toán công trình ban đầu của nhà thầu, hồ sơ thẩm tra, phê duyệt quyết toán của các cơ quan chức năng không có mục bù giá nhân công, máy thi công và giá thép.

+ Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 22/12/2009, phê duyệt quyết toán công trình, chủ đầu tư đã tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng ngày 29/3/2010 và giải quyết dứt điểm công nợ với nhà thầu trong tháng 5/2010 đồng thời tất toán và đóng mã số và tài khoản công trình.

Vì lý do trên, sau khi công trình đã được quyết toán và thanh toán công nợ, nhà thầu lại đề nghị bổ sung thêm giá trị vào gói thầu, khi đó chủ đầu tư có quyền từ chối giải quyết mà không vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, vì trách nhiệm của chủ đầu tư với các dự án do UBND tỉnh giao, Ban QLDA đã tiếp nhận kiến nghị của Công ty C và tiến hành xem xét một cách nghiêm túc vừa nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật vừa tìm phương án tháo gỡ, tránh thiệt hại về kinh tế (nếu có) cho nhà thầu. Căn cứ ban đầu và duy nhất để thực hiện việc này là hợp đồng ban đầu đã ký kết giữa Ban QLDA và Công ty C, (Hợp đồng số 18/2002/HĐKT-QLDA ngày 11/6/2002).

Nay Ban QLDA không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Giao thông Vận tải tỉnh B và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

- Diễn biến vụ việc có liên quan đến việc thẩm định và ban hành Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014 về duyệt dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu công trình xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận:

Về mặt chủ trương: UBND tỉnh ban hành Văn bản số 7488/UBND.VP ngày 02/11/2010 và Văn bản số 797/UBND.VP ngày 21/02/2011 về việc chấp thuận chủ trương cho phép bù giá nhân công, máy thi công và vật liệu đối với công trình xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận.

Về cơ sở thẩm định bù giá: Trên cơ sở chủ trương của UBND tỉnh tại các văn bản nêu trên, Ban QLDA cùng với nhà thầu tiến hành phân khai khối lượng, lập hồ sơ điều chỉnh dự toán trình Sở Giao thông Vận tải thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu công trình xây dựng Cầu C thuộc dự án đương ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận. Căn cứ theo nội dung hồ sơ trình duyệt của Ban QLDA (có kèm theo bảng phân khai khối lượng, biên bản hiện trường, xác nhận giá trị dự toán bổ sung…) ngày 16/7/2014, Sở G đã ban hành Quyết định số 271/QĐ-SGTVT về việc duyệt dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu xây dựng với giá trị bổ sung là 4.725.444.000 đồng. Tuy nhiên, trong nội dung quyết định của Sở G cũng đã nêu rõ "Việc bổ sung giá nhân công, máy thi công, giá thép tăng đột biến là căn cứ theo đề nghị của Ban quản lý dự án thể hiện trong nội dung hồ sơ và nội dung Văn bản trình phê duyệt, Ban quản lý dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của phân khai khối lượng, xác nhận đơn giá trình phê duyệt. Đây không phải là giá trị để thanh toán cho nhà thầu, khi thực hiện thanh quyết toán cho

nhà thầu thì phải đảm bảo phù hợp với nội dung của Hợp đồng đã ký kết giữa Ban QLDA – Nhà thầu và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán".

- Về quan điểm của Sở G:

Gói thầu số 4 – xây lắp Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu - B do Công ty C trúng thầu thi công với giá trị trúng thầu là 67.801.350.064 đồng với thời gian thi công 23 tháng tính từ ngày 01/7/2002 (Hợp đồng kinh tế số 18/2002/HĐKT-QLDA giữa ban Q2 và Công ty C). Tuy nhiên đến ngày 29/6/2005, công trình mới hoàn thành. Như vậy, công trình bị chậm tiến độ so với cam kết trong hợp đồng là 13 tháng nên không được xem xét điều chỉnh giá gói thầu.

Công trình này đã được Sở T thẩm tra hồ sơ quyết toán tại Tờ trình số 2786/TTr-STC.ĐT ngày 10/12/2009 và đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4201/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 phê duyệt quyết toán dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận nên không có cơ sở để xem xét điều chỉnh giá gói thầu.

Gói thầu số 4 - xây lắp Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng tàu đi B đã được Ban QLDA và Công ty C ký biên bản thanh lý hợp đồng ngày 29/3/2010, vì vậy theo quy định thì sau khi thanh lý, Ban QLDA lập thủ tục tất toán và đóng tài khoản công trình, như vậy không thể xem xét bổ sung giá trị thanh toán thêm kinh phí cho nhà thầu.

Tại nội dung Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014, về việc duyệt dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu công trình Xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận của Sở G với giá trị bổ sung là 4.725.444.000 đồng cũng nêu rõ "Giá trị phê duyệt trong quyết định không phải là để thanh toán cho nhà thầu việc thanh toán chi phí bổ sung phải bảo đảm phù hợp với các nội dung của Hợp đồng đã ký kết giữa Ban QLDA – Nhà thầu và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt, quyết toán". Từ nội dung của quyết định này, Ban QLDA đã tiến hành rà soát, kiểm tra lại các quy định của Hợp đồng, kết quả thẩm tra, phê duyệt quyết toán và đã thực hiện việc không đề nghị thanh toán bổ sung kinh phí cho nhà thầu là đúng quy định của nhà nước hiện hành.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh B tại Văn bản số 14364/UBND-VP ngày 21/12/2020 về việc giải quyết kiến nghị của Công ty C kèm theo nội dung Đơn kêu cứu số 46/CV-2020 ngày 07/12/2020. Ngày 05/02/2021, Sở G đã chủ trì tổ chức cuộc họp với thành phần gồm Ban QLDA, Sở T và Công ty C để thống nhất các nội dung báo cáo UBND tỉnh. Qua kết quả cuộc họp, các thành viên tham dự cuộc họp cũng thống nhất quan điểm cho rằng "Việc xem xét điều chỉnh giá cho gói thầu xây dựng cầu C là không có cơ sở xem xét do việc chậm trễ, kéo dài thời gian thi công hoàn toàn do lỗi chủ quan của Công ty C, hơn nữa công trình đã được UBND tỉnh Ban hành quyết định phê duyệt quyết toán theo đề nghị thống nhất của các bên liên quan bao gồm cả Công ty C". Trên cơ sở đó, ngày 11/5/2021, Sở G đã có Văn bản số 1299/SGTVT-QLKCCL "V/v: Giải quyết kiến nghị của Công ty C" gửi UBND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chấp thuận và ban hành văn bản thu hồi, hủy bỏ Văn bản số 7488/UBND.VP ngày 02/11/2010 và Văn bản số 707/UBND.VP ngày 21/02/2011, về việc chấp thuận chủ trương cho phép bù giá đối với công trình cầu C. Sau khi có văn bản của UBND tỉnh thì Sở G sẽ ban hành văn bản hủy bỏ Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014.

Sở G đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của Công ty C về yêu cầu Ban quản lý dự án giao thông tỉnh B thanh toán bổ sung kinh phí của gói thầu số 04 – xây lắp Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu - B.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã quyết định như sau:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B.

Buộc Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B phải thanh toán cho Công ty Cổ phần C số tiền 4.054.150.000 đồng (bốn tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C, về "Yêu cầu Ban QLDA bồi thường thiệt hại cho Công ty C số tiền phạt do chậm nộp thuế liên quan đến dự án công trình xây dựng mới Cầu C là 2.500.000.000 đồng".

+ Chi phí Thẩm định giá tài sản: Buộc Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần C số tiền 64.800.000 đồng (sáu mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

* Ngày 16/11/2022 bị đơn Ban quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B-VT kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 21/11/2022 nguyên đơn Công ty cổ phần C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C về việc buộc Ban quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B thực hiện bù giá cho Công ty cổ phần C theo Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014 của Sở Giao thông vận tải tỉnh B về việc phê duyệt yêu cầu bù giá của Công ty cổ phần C với số tiền là 4.725.444.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Không có cơ sở để điều chỉnh giá nhân công, máy thi công cho công trình xây dựng mới cầu C theo Thông tư 05/2003/TT-BXD ngày 14/3/2003. Theo quy định của Thông tư số 02/2004/TT-BXD ngày 22/4/2004, gói thầu trên thuộc trường hợp được bổ sung giá thép. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Ban QLDA phải thực hiện bù giá thép cho Công ty C là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty Cổ phần C. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B thanh toán cho Công ty Cổ phần C khoản tiền bù giá vật liệu biến động (thép, cáp) là 1.671.267.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả chi phí bù giá đối với hợp đồng thầu xây dựng nên quan hệ tranh chấp là "tranh chấp chi phí bù giá hợp đồng thầu xây dựng", cấp sơ thẩm xác định quan hệ "tranh chấp chi phí được bù giá" là chưa chính xác, cấp phúc thẩm xác định lại cho bảo đảm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B:

Tại Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây dựng số 18/2002/HĐKT-QLDA ngày 11/6/2002 giữa Ban Quản lý dự án giao thông thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh B (nay là Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B, viết tắt là "Ban QLDA") và Công ty Cổ phần C (viết tắt là "Công ty C") về "Công trình xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu - L - B (đoạn H - P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu".

Tại Điều II giá trị của hợp đồng: Tổng giá trị hợp đồng là 67.801.350.064 đồng; Giá trị này chỉ được điều chỉnh khi được các bên A – B – TK – GS và cơ quan chuyên ngành xác nhận **trình UBND tỉnh B phê duyệt** trong các trường hợp sau:

"*…

* Khi có biến động về giá do chính sách của Nhà nước thay đổi đối với các yếu tố nhân công, nguyên vật liệu, thiết bị xe máy….".

Tại Văn bản số 7488/UBND-VP ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh B v/v chủ trương điều chỉnh giá công trình Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận có nêu: "Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở T xem xét, xử lý đề nghị của Công ty cổ phần C về việc điều chỉnh giá thép và đơn giá nhân công, ca máy công trình xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận theo các Thông tư số 05/2003/TT-BXD ngày 14/3/2003 và Thông tư số 02/2004/TT-BXD ngày 22/4/2004 của Bộ X, **đề xuất ý kiến, báo cáo UBND tỉnh**".

Tại mục 2 Văn bản số 797 ngày 21/02/2011 của UBND tỉnh B chấp thuận đề nghị của Sở G về việc điều chỉnh giá công trình cầu cửa lấp thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận nêu: "Giao Sở Tài chính chủ trì làm việc với Sở G áp dụng quy định cụ thể tại các Thông tư nêu trên của Bộ X và các văn bản có liên quan để thẩm định làm cơ sở cho việc bổ sung thanh quyết toán đối với công trình trên, **trình UBND Tỉnh phê duyệt**".

Tại Điều 2 Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014 của Sở G ban hành về việc phê duyệt dự toán bổ sung chi phí nhân công, máy thi công và vật liệu công trình xây dựng mới Cầu C – dự án đường ven biển Vũng Tàu đi Bình Thuận quy định: "Giá trị dự toán phê duyệt trên cơ sở đề xuất của ban Q2 và nhà thầu, **giá trị quyết toán cho nhà thầu phải được cơ quan thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt** trên cơ sở quy định của Nhà nước tại từng thời điểm cụ thể tuân thủ theo các quy định về xây dựng cơ bản và thanh quyết toán công trình".

Như vậy, theo Điều II hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây dựng số 18/2002/HĐKT-QLDA ngày 11/6/2002 giữa Ban Quản lý dự án giao thông thuộc Sở

Giao thông Vận tải tỉnh B (nay là Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B và Công ty Cổ phần C về "Công trình xây dựng mới Cầu C thuộc dự án đường ven biển Vũng Tàu - L - Bình Châu đoạn H - P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu" thì giá trị hợp đồng chỉ được điều chỉnh khi được UBND tỉnh B phê duyệt.

Văn bản số 7488/UBND-VP ngày 02/11/2010 và Văn bản số 797/UBND-VP ngày 21/02/2011 của UBND tỉnh B chỉ thể hiện nội dung UBND tỉnh B chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh xem xét vụ việc và báo cáo cho UBND tỉnh chứ không phải là phê duyệt của UBND tỉnh về chi phí bù giá.

Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014 của Sở G thể hiện nội dung "giá trị quyết toán cho nhà thầu phải được cơ quan thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt trên cơ sở quy định của Nhà nước tại từng thời điểm cụ thể tuân thủ theo các quy định về xây dựng cơ bản và thanh quyết toán công trình" chứ không phải là quyết toán. Mặt khác việc phê duyệt chi phí bù giá thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh B theo Điều II của Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây dựng số 18/2002/HĐKT-QLDA ngày 11/6/2002 giữa Ban Q2 thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh B (nay là Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B) với Công ty Cổ phần C chứ không phải phê duyệt của Sở G.

Do vậy nguyên đơn căn cứ Văn bản số 7488/UBND-VP ngày 02/11/2010, Văn bản số 797/UBND-VP ngày 21/02/2011 của UBND tỉnh B và Quyết định số 271/QĐ-SGTVT ngày 16/7/2014 của Sở G để khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí bù giá cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Từ cơ sở căn cứ nêu trên, yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B về thanh toán tiền chi phí bù giá là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Chấp nhận kháng cáo của Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh B. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí thẩm định giá tài sản là 64.800.000 đồng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu. Đã nộp xong.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu là 112.725.444 đồng; bị đơn Ban Quản lý dự án chuyên ngành Giao thông tỉnh B không phải chịu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần C phải chịu 300.000 đồng; Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 165, 217, 228, 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; các 468, 688 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty Cổ phần C.

Chấp nhận kháng cáo của Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, như sau:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C, về việc "Yêu cầu Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B bồi thường thiệt hại cho Công ty C số tiền phạt do chậm nộp thuế liên quan đến dự án công trình xây dựng mới Cầu C là 2.500.000.000 đồng".

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C về việc yêu cầu Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B thực hiện bù giá cho Công ty Cổ phần C với số tiền là 4.725.444.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

3. Chi phí thẩm định giá tài sản là 64.800.000 đồng: Công ty Cổ phần C phải chịu. Đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần C phải chịu 112.725.444 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí là 57.612.000 đồng theo Biên lai thu số 0003229 ngày 28/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Công ty Cổ phần C còn phải nộp 55.113.444 đồng (năm mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Công ty Cổ phần C phải chịu 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004988 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Đã nộp đủ.

5.2. Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B không phải chịu. Hoàn trả cho Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh B tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004976 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP.Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP.Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tâm